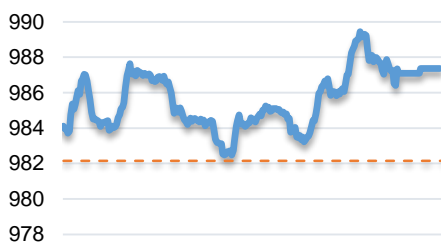


Diễn biến thị trường trong phiên

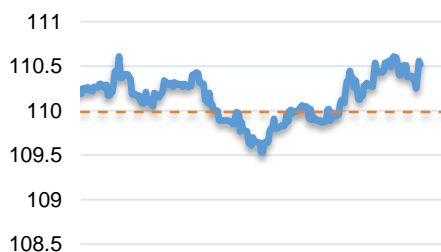
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	987.36	110.52	51.42
% ngày	0.53	0.49	(0.36)
% tuần	2.39	2.41	0.06
% tháng	5.40	3.97	2.29
% năm	28.90	9.12	(4.92)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,527.12	569.16	163.65
Hôm qua	3,387.14	549.29	191.65
TB 1 tháng	3,560.89	556.01	231.33
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	473.60	15.77	53.11
Bán	594.83	20.04	54.46
Giá trị ròng	(121.23)	(4.27)	(1.35)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	140	76	63
Mã Giảm	123	77	70
Không Đổi	90	231	601
Chỉ số chính			
P/E	17.8x	10.3x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,136	196	849
LS Cổ tức	1.84	2.48	4.04

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Điểm nhấn trong phiên là các cổ phiếu họ nhà Vingroup đã hỗ trợ lớn cho việc tăng điểm của chỉ số bất chấp việc bị khối ngoại bán lượng lớn trong phiên. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại tại các mã là VIC 80 tỷ, VHM 50 tỷ và VRE 18 tỷ. Chỉ số VN-Index tăng 0.53% đóng cửa ở mức 987.4 điểm, chỉ số HNX-Index tăng thêm 0.5% dừng lại ở mức 110.5 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa sát mức tham chiếu là 51.4 điểm và giảm nhẹ 0.36%.

Tuy nhiên thanh khoản trong phiên của toàn thị trường không mấy khả quan khi GTGD trên sàn HSX là nằm trong khoảng gần 3,500 tỷ đồng thấp hơn giá trị giao dịch trung bình trong tháng 8/2018 là 20%.

Cùng với bộ 3 cổ phiếu Vingroup, các cổ phiếu vốn hóa lớn của nhóm ngành ngân hàng như ACB, BID, VCB, TCB tăng mạnh trong phiên cũng hỗ trợ mạnh mẽ đến việc tăng điểm của chỉ số VN-Index và HNX-Index. Dưới sự dẫn dắt của các cổ phiếu trụ thì các mã của các nhóm ngành chứng khoán, dầu khí, công nghệ cũng chốt ở mức giá xanh vào cuối phiên. Các cổ phiếu tác động tiêu cực đến chỉ số trong phiên đến từ MSN, NVL, SAB, VJC... Ngoài ra, nhóm ngân hàng với CTG, VPB, STB và HDB là những cái tên khiến thị trường chưa thể phá mức kháng cự 990 điểm.

Khối ngoại quay lại bán ròng trên toàn thị trường khoảng 126 tỷ đồng. Hôm nay trên cả ba sàn đều bị khối ngoại bán ròng nhẹ. Trong đó, trên sàn HSX bán ròng hơn 121 tỷ, HNX là 4 tỷ và Upcom là 1 tỷ. SCS vẫn là cổ phiếu được khối ngoại tiếp tục mua thỏa thuận trong phiên sáng với tổng giá trị 44 tỷ đồng. Ngoài ra còn có VNM, SBT, VCB cũng đc khối ngoại mua ròng lớn trong phiên.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng mức độ phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra trong vài phiên tới và tính chất đầu cơ sẽ có chiều hướng tăng dần. Đồng thời, nhóm cổ phiếu Largecaps vẫn đang rơi vào trạng thái tích lũy và biến động hẹp cho nên nhóm cổ phiếu này sẽ còn xuất hiện các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh nhẹ trong phiên, còn nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps đang bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực. Ngoài ra, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng dần cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 959.14 điểm của chỉ số VN-Index và 106.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục và gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 57% cổ phiếu/43% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.05	GIẢM	GIẢM		17.14				19.88		
ACB	38.20	TĂNG	GIẢM	35.60	35.60	7.30%			41.80		
ACV	83.40	GIẢM	GIẢM		88.77				95.72		
BFC	26.00	TĂNG	GIẢM	27.00	25.15	-3.70%			28.97		
BHN	81.00	GIẢM	GIẢM		86.79				109.05		
BID	33.05	TĂNG	TĂNG	25.80	30.25	28.10%			31.14		
BMP	53.50	GIẢM	GIẢM		55.43				63.44		
BSR	16.80	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	91.00	TĂNG	GIẢM	78.00	80.22	16.67%			91.06		
BWE	18.40	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	3.95%			19.20		
CEO	14.10	TĂNG	GIẢM	13.40	13.17	5.22%			15.95		
CHP	23.00	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.13%	
CSM	14.45	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	1.40%		14.39	12.77	0.41%	
CTD	155.00	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	3.68%		161.20	125.07	-3.85%	
CTG	26.10	TĂNG	GIẢM	24.00	24.55	8.75%			28.07		
CTI	31.20	TĂNG	GIẢM	30.50	28.88	2.30%			33.12		
CVT	26.00	TĂNG	GIẢM	25.85	24.22	0.58%			29.58		
DCM	10.30	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-6.79%			11.62		
DGW	25.35	TĂNG	GIẢM	23.90	23.90	6.07%			26.51		
DHA	27.15	TĂNG	GIẢM	28.00	26.99	-3.04%			28.49		
DHC	37.30	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	96.00	GIẢM	TĂNG		99.81			114.49	95.93	-16.15%	
DPG	43.40	TĂNG	GIẢM	40.90	40.45	6.11%			50.13		
DPM	17.80	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	0.56%			18.72		
DPR	36.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.13%			39.13		
DQC	28.55	GIẢM	GIẢM		29.44				33.18		
DRC	27.40	TĂNG	TĂNG	25.85	24.43	6.00%		24.30	19.87	12.76%	
DXG	27.90	TĂNG	GIẢM	23.75	26.25	17.47%			29.38		
ELC	8.60	GIẢM	GIẢM		9.32				10.93		
FCN	16.25	TĂNG	TĂNG	16.25	15.46	0.00%		17.70	13.88	-8.19%	
FIT	4.07	GIẢM	GIẢM		4.32				5.21		
FMC	23.60	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	11.32%			23.95		
FPT	44.40	TĂNG	GIẢM	42.90	42.40	3.50%			45.46		
GAS	100.40	GIẢM	GIẢM		100.94				103.15		
GEX	29.80	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-2.61%		30.10	29.53	-1.00%	MUA
GIL	46.70	TĂNG	TĂNG	41.65	45.31	12.12%		34.90	40.42	33.81%	
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	4.53%			28.65		
GTN	11.20	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	0.00%	

We Create Fortune

HAG	7.00	GIẢM	TĂNG		7.57			6.19	5.86	13.09%	
HAX	15.20	GIẢM	GIẢM		16.17				18.67		
HBC	23.15	TĂNG	GIẢM	22.95	21.39	0.87%			27.24		
HDB	35.90	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	15.95	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	94.51%	
HPG	38.10	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	2.42%			42.50		
HSG	10.45	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	12.80	TĂNG	GIẢM	11.75	11.60	8.94%			12.91		
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.00	TĂNG	GIẢM	33.00	37.12	18.18%		39.20	39.08	-0.31%	MUA
ITD	11.60	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-6.45%	
KBC	12.50	TĂNG	GIẢM	12.10	11.74	3.31%			13.24		
KDH	29.40	GIẢM	GIẢM		30.14				33.70		
KSB	29.50	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.56	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	1.06%			10.06		
LDG	14.60	GIẢM	GIẢM		14.76				15.06		
LIX	40.40	GIẢM	GIẢM		41.51				44.35		
LPB	9.50	GIẢM	GIẢM		10.05				11.99		
LSS	6.60	GIẢM	GIẢM		6.85				7.93		
MSN	91.20	TĂNG	TĂNG	79.10	87.46	15.30%			90.22		
MWG	121.90	TĂNG	TĂNG	112.00	115.87	8.84%		121.00	104.78	0.74%	
NKG	13.30	GIẢM	GIẢM		14.20				17.00		
NLG	30.00	TĂNG	GIẢM	29.80	28.97	0.67%			31.83		
NT2	26.65	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.60	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-7.25%		10.45	8.94	-8.13%	
NTP	44.50	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	39.20	GIẢM	GIẢM		39.95				42.18		
PC1	24.90	GIẢM	GIẢM		26.90				30.03		
PDR	26.60	TĂNG	GIẢM	26.60	26.14	0.00%	MUA		29.12		
PGC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.74%			15.68		
PHR	26.00	TĂNG	TĂNG	21.90	23.28	18.72%		24.00	19.56	8.33%	
PLX	65.90	TĂNG	GIẢM	60.50	62.03	8.93%			67.88		
PNJ	103.80	TĂNG	TĂNG	90.30	97.22	14.95%			102.31		
POW	13.20	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	1.54%			13.91		
PPC	18.35	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-0.81%			19.21		
PTB	59.90	TĂNG	TĂNG	60.00	55.64	-0.17%	MUA	64.00	53.16	-6.41%	
PVD	14.80	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-9.48%	
PVI	29.00	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-3.01%			33.71		
PVS	20.10	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	18.24%		20.90	14.57	-3.83%	
PXS	6.10	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-1.45%	
RAL	88.50	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	-2.75%			102.96		
REE	36.40	TĂNG	TĂNG	36.40	35.51	0.00%	MUA		34.97		
SAB	212.50	TĂNG	GIẢM	208.00	202.94	2.16%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.00	GIẢM	GIẢM		7.10				7.59		
SBV	26.65	GIẢM	GIẢM		27.57				29.26		
SCR	9.35	TĂNG	GIẢM	9.35	8.92	0.00%			10.30		
SHI	6.14	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.16%	
SJS	20.40	TĂNG	GIẢM	19.70	19.17	3.55%			21.87		
SKG	23.20	TĂNG	TĂNG	20.05	21.40	15.71%			21.27		
SSI	30.55	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	3.38%			34.19		
STB	11.40	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	1.79%			12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCM	21.90	TĂNG	TĂNG	17.80	20.06	23.03%			20.79		
TDH	11.40	GIẢM	GIẢM		11.71				13.50		
TLH	7.24	GIẢM	GIẢM		7.47				8.37		
TMT	6.92	GIẢM	GIẢM		7.51				7.28		
TNG	11.70	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	8.33%			11.90		
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.27		
VCB	62.60	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	8.87%			64.41		
VFG	37.40	GIẢM	TĂNG		38.63			34.39	33.47	8.74%	
VGC	17.20	GIẢM	GIẢM		17.74				21.50		
VHM	111.90	TĂNG	TĂNG	111.90	111.48	0.00%	MUA				
VIB	28.70	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	3.99%			30.67		
VIC	104.60	GIẢM	TĂNG		107.45			111.50	92.44	-6.19%	
VIP	7.00	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	0.72%			7.29		
VJC	151.00	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	4.50%			154.12		
VNM	163.30	TĂNG	GIẢM	163.00	157.18	0.18%			175.10		
VPB	25.40	GIẢM	GIẢM		27.09				33.19		
VRC	22.60	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	27.32%		19.35	16.29	16.80%	
VRE	40.60	GIẢM	GIẢM		41.47				44.98		
VSC	40.60	TĂNG	TĂNG	35.50	38.59	14.37%		35.30	33.86	15.01%	
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.85			17.40	16.64	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	987.36	0.53
VN30	960.94	0.14
VN Mid	1,017.93	0.40
VN Small	812.57	0.48

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	473.60	
Bán	594.83	
GT rỗng	(121.23)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	1,800	6.9%
DRC	1,700	6.6%
PHR	1,500	6.1%
BVH	3,500	4.0%
SKG	800	3.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PME	(5,000)	-6.9%
DRH	(450)	-3.0%
KDC	(900)	-2.9%
AST	(1,800)	-2.8%
GTN	(300)	-2.6%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	333,844	
VHM	299,849	
VNM	236,981	
VCB	225,220	
GAS	192,161	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	14.12	15.95
CTG	6.14	5.82
HAG	5.62	12.89
ASM	4.76	3.96
HPG	3.85	5.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	110.52	0.49
HN30	197.93	0.68
VNX AllSh	1,380.84	0.28

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.77	
Bán	20.04	
GT rỗng	(4.27)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	1,800	9.9%
VIX	600	8.8%
VCG	400	2.3%
VCS	1,600	1.8%
VGC	300	1.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	(1,500)	-3.7%
DGC	(400)	-1.0%
PVI	(300)	-1.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,428	
VCS	14,176	
SHB	10,227	
PVS	8,979	
VCG	7,774	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	4.83	9.46
SHB	4.78	8.12
ACB	3.01	10.39
APP	2.62	0.09
KLF	1.90	2.85

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.42	(0.36)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	53.11	
Bán	54.46	
GT rỗng	(1.35)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GEG	200	1.5%
MPC	300	0.8%
POW	100	0.8%
BSR	100	0.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDC	(800)	-3.7%
VGT	(200)	-2.0%
QNS	(600)	-1.5%
HVN	(400)	-1.0%
VIB	(200)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	181,573	
BSR	52,088	
MCH	51,711	
HVN	48,737	
GVR	32,000	

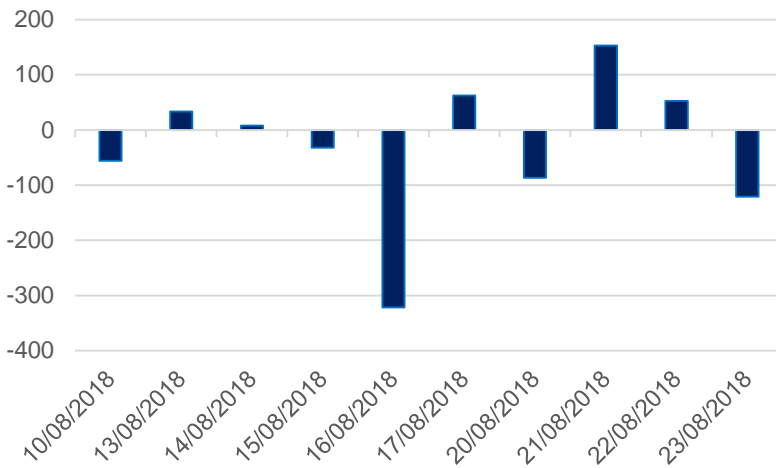
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	1.22	1.70
LPB	0.93	2.28
HVN	0.91	0.75
ART	0.67	2.11
VGT	0.64	0.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

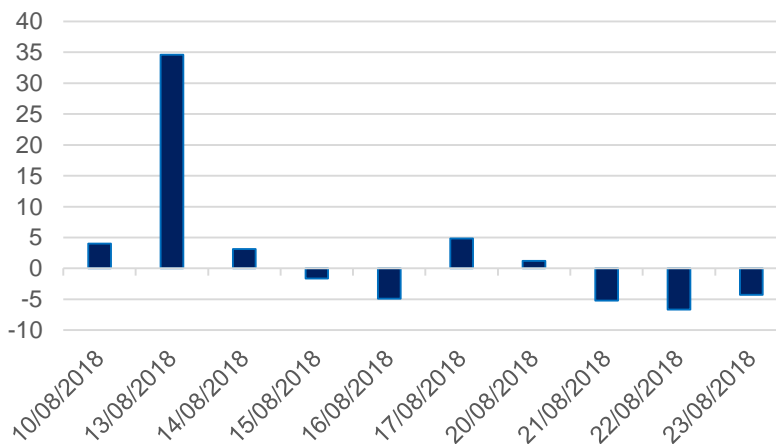
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SCS	43,673	VIC	(80,038)
VNM	28,427	VHM	(50,350)
SBT	14,554	NVL	(31,576)
VCB	12,600	SCR	(25,821)
BVH	9,114	VRE	(17,832)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

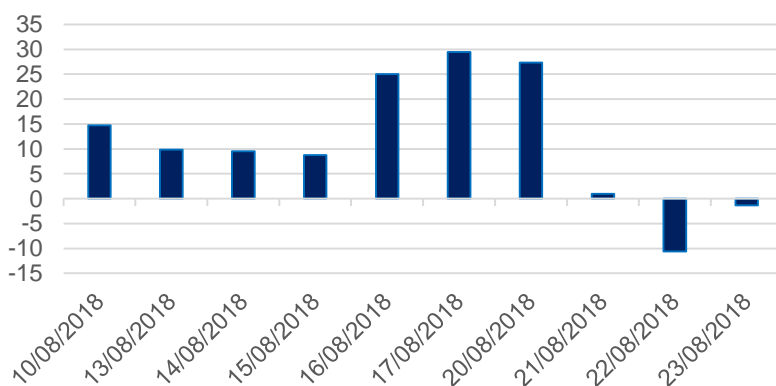
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	2,029	PVI	(2,900)
SHB	1,012	CSC	(2,357)
VCG	697	SHS	(2,067)
VCS	328	PVS	(407)
INN	325	NTP	(370)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	14,847	BSR	(9,044)
QNS	2,243	OIL	(5,046)
POW	176	MCH	(2,548)
DCD	162	VGT	(2,120)
ICC	149	ACV	(678)

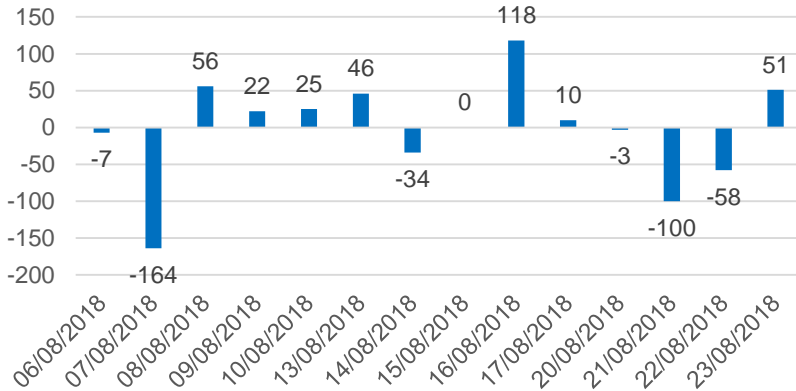
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

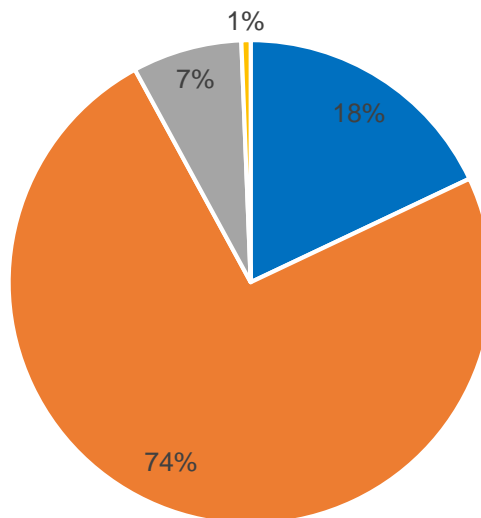


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
HPG	12,463	VIC	14,967
MBB	12,351	PLX	7,349
TGG	8,700	CTD	2,420
VPB	8,641	E1VFN30	2,111
MWG	8,517	VPI	1,976

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



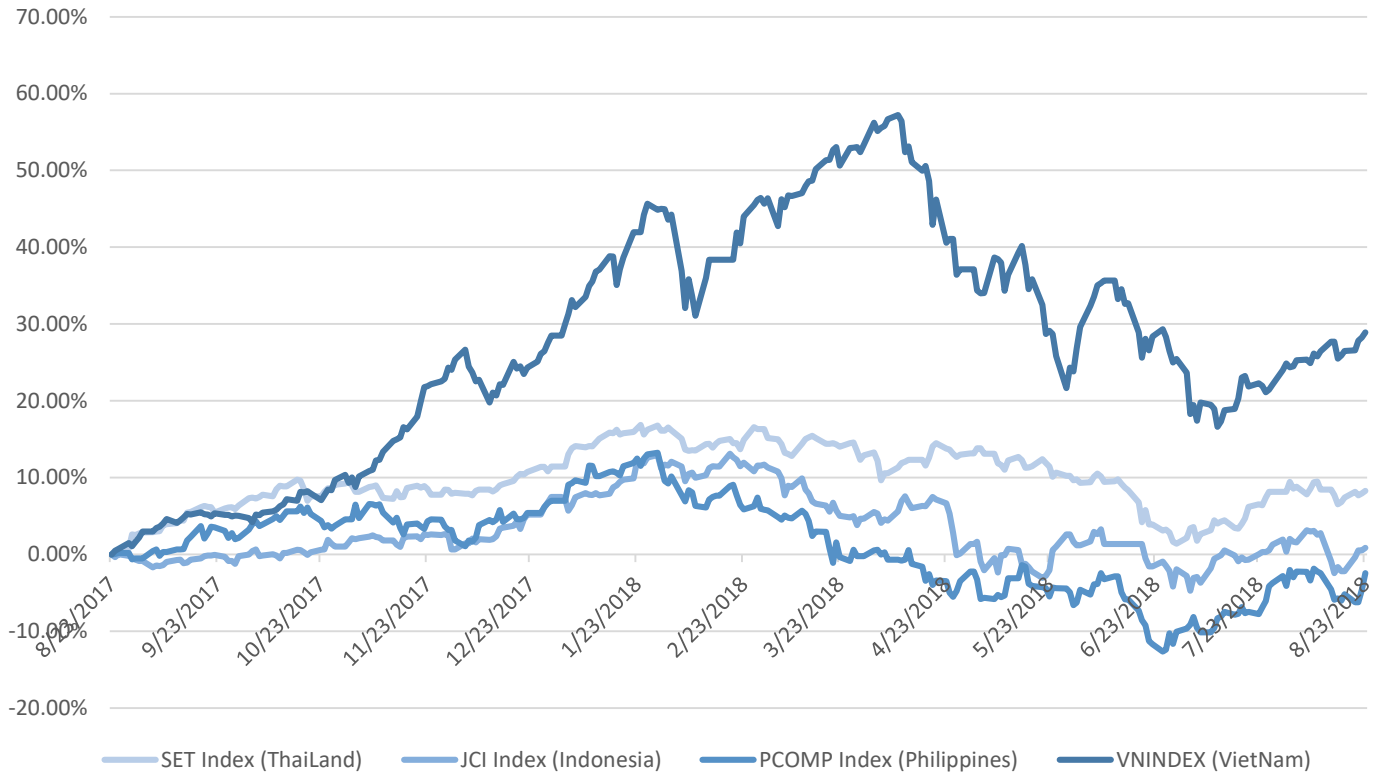
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

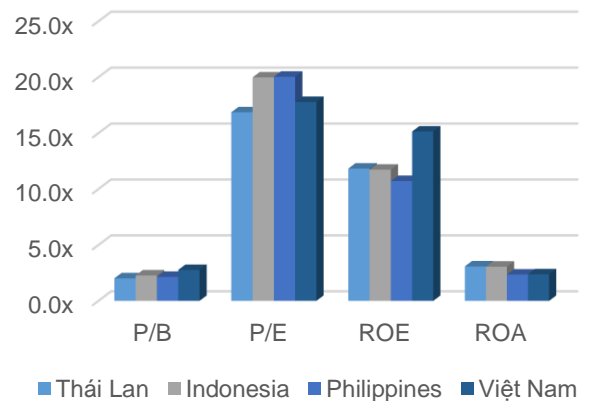
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.8x
P/E		16.9x	20.0x	20.0x	17.8x
ROE	%	11.83	11.73	10.72	15.14
ROA	%	3.08	3.06	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	522.13	459.39	177.91	134.74
GTGD	Triệu USD	1.03	0.39	0.07	0.15
LS cổ tức	%	3.07	2.28	1.53	1.84

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written